TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
20.11.2024 15:27:33
+07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 20/11/2024 14:04:50

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 201 /TTr-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 11 năm 2024*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

(Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của trung ương;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị Quyết của HĐND tỉnh: Số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025; số 27/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 Sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng của ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; số 32/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

Để triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương) thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo quy định, kịp thời, hiệu quả; xét đề nghị của Giám đốc

Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2096/SKHĐT-KGVX ngày 05/11/2024 và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 15/11/2024. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét các nội dung sau:

1. Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của Chương trình

Trên cơ sở dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được HĐND tỉnh thông qua[1], số dự kiến vốn nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 được Trung ương thông báo[2] và số vốn còn lại trong kế hoạch trung hạn đã được cấp thẩm quyền giao[3]. UBND tỉnh dự kiến tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững của tỉnh là **102,398 tỷ đồng** (gồm: Ngân sách Trung ương là 91,817 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 10,581 tỷ đồng).

2. Về nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn

- Đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của Bộ ngành, các Nghị quyết của HĐND tỉnh, các Quyết định của UBND tỉnh, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh về xây dựng và phân bổ vốn đầu tư công hằng năm.

- Đảm bảo tuân thủ quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn của Chương trình[4], quy định về cơ chế lồng ghép và huy động nguồn lực[5], quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định và điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm tại địa phương[6], quy định về phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên đại bàn tỉnh[7] và đáp ứng yêu cầu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện năm 2025 của Chương trình.

- Đảm bảo phù hợp với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của Chương trình đã được HĐND các cấp phê duyệt và phù hợp với nhu cầu thực tế về phân bổ vốn đầu tư của Chương trình do Cơ quan chủ trì quản lý chương trình tổng hợp và đề xuất.

3. Dự kiến phương án phân bổ vốn đầu tư công năm 2025

Qua tổng hợp, rà soát và đề xuất của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Cơ quan chủ trì quản lý Chương trình)[8] và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2096/SKHĐT-KGVX ngày 05/11/2024,

---

[1] Tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.
[2] Tại Công văn số 8600/BKHĐT-TCTT ngày 18/10/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
[3] Vì năm 2025 là năm cuối của kỳ kế hoạch trung hạn 2021-2025.
[4] Quy định tại các Nghị quyết: số 10/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 và số 27/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.
[5] Quy định tại Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi.
[6] Quy định tại Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi
[7] Quy định tại các Quyết định: số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 và số 47/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.
[8] Tại Công văn số tại 5922/SLĐTBXH-BTXH&GN ngày 29/10/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

UBND tỉnh kính báo cáo và trình HĐND tỉnh phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của Chương trình như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững của tỉnh là **102,398 tỷ đồng** (gồm: Ngân sách Trung ương là 91,817 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 10,581 tỷ đồng).

(1) Giao chi tiết là **87,256 tỷ đồng** (gồm: Ngân sách Trung ương 78,650 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 8,606 tỷ đồng). Trong đó:

- Phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 1 *(Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KT-XH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo)* là 70,197 tỷ đồng, gồm: Ngân sách Trung ương là 63,815 tỷ đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 6,382 tỷ đồng *(bằng với số vốn còn lại trong kế hoạch trung hạn của Dự án 1 và của từng địa phương)*. Trong đó:

+ Huyện Sơn Tây là 28,503 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương 25,912 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh đối ứng là 2,591 tỷ đồng).

+ Huyện Trà Bồng là 31,794 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương 28,903 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh đối ứng là 2,891 tỷ đồng).

+ Huyện Lý Sơn là 9,9 tỷ đồng (vốn ngân sách Trung ương 9,0 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh đối ứng là 0,9 tỷ đồng).

- Phân bổ thực hiện Dự án 4 *(Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở)* là 17,059 tỷ đồng, gồm: Ngân sách Trung ương là 14,835 tỷ đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 2,224 tỷ đồng *(bằng với số vốn còn lại trong kế hoạch trung hạn của từng dự án đầu tư công của các đơn vị)*. Trong đó:

+ Tiểu dự án 1: Dự án Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (giai đoạn 2) là 14,845 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 12,908 tỷ đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 1,936 tỷ đồng) và Dự án Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm là 940,0 triệu đồng (ngân sách Trung ương 818,5 triệu đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 121,5 triệu đồng).

- Tiểu dự án 3: Dự án Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, với số vốn là 1,274 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 1,108 tỷ đồng, ngân sách tỉnh đối ứng là 166 triệu đồng).

(2) Phân khai sau là 15,142 tỷ đồng (gồm: Ngân sách Trung ương là 13,167 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 1,975 tỷ đồng).

Đây là số kế hoạch vốn chưa phân khai trong kế hoạch trung hạn của Dự án 4 nhưng đã được dự kiến phân bổ kế hoạch vốn để thực hiện trong năm 2025. HĐND tỉnh thống nhất thông qua số vốn dự kiến phân bổ năm 2025 cho Chương trình, trong đó có số vốn 15,142 tỷ đồng này (tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND tỉnh) và UBND tỉnh đã báo cáo đăng ký vốn với Bộ ngành Trung ương (tại Báo cáo số 155/BC-UBND ngày 16/7/2024 của UBND tỉnh).

Hiện nay, số vốn chưa phân khai này là của Dự án 4 nhưng đã hết nhu cầu và dự kiến điều chuyển sang Dự án 1 sau khi điều chỉnh về nguyên tắc, điều chỉnh kế hoạch trung hạn, hoàn thành thủ tục đầu tư để đủ điều kiện giao chi tiết kế hoạch vốn trong năm.

Do đó, để việc giao Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững đảm bảo theo quy định và phù hợp với thực tế nhu cầu vốn, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét:

Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách nhà nước (gồm ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh) để thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, với tổng kế hoạch vốn là **102,398 tỷ đồng** (gồm: Ngân sách Trung ương là 91,817 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 10,581 tỷ đồng), trong đó, phân khai chi tiết là **87,256 tỷ đồng** (gồm: Ngân sách Trung ương 78,650 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 8,606 tỷ đồng) và phân khai sau 15,142 tỷ đồng (gồm: Ngân sách Trung ương là 13,167 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 1,975 tỷ đồng).

(Chi tiết theo phụ lục 01, 02 đính kèm)

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KTNS, VHXH - HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và xã hội;
- BQL dự án ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh;
- Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi;
- Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm;
- UBND các huyện: Sơn Tây, Trà Bồng, Lý Sơn;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX VHTin549.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

PHỤ LỤC 1

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đối ứng

(kèm theo Tờ trình số: 201 /TTr-UBND ngày 18 /11/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đầu mối giao kế hoạch/Tên dự án	Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã giao đến năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Ước giải ngân đến 31/01/2025			Đề xuất phương án Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	
	TỔNG SỐ (I)+(II)	**568.313**	**512.206**	**56.107**	**315.835**	**284.852**	**30.983**	**150.080**	**135.537**	**14.543**	**150.080**	**135.537**	**14.543**	**102.398**	**91.817**	**10.581**	
I	**Phân khai chi tiết đợt này**	**553.171**	**499.039**	**54.132**	**315.835**	**284.852**	**30.983**	**150.080**	**135.537**	**14.543**	**150.080**	**135.537**	**14.543**	**87.256**	**78.650**	**8.606**	
1	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**	**455.926**	**414.478**	**41.448**	**258.373**	**234.885**	**23.488**	**127.356**	**115.778**	**11.578**	**127.356**	**115.778**	**11.578**	**70.197**	**63.815**	**6.382**	
1.1	**Tiểu dự án 1-Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**	**455.926**	**414.478**	**41.448**	**258.373**	**234.885**	**23.488**	**127.356**	**115.778**	**11.578**	**127.356**	**115.778**	**11.578**	**70.197**	**63.815**	**6.382**	
*	***Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo***	***406.426***	***369.478***	***36.948***	***228.673***	***207.885***	***20.788***	***117.456***	***106.778***	***10.678***	***117.456***	***106.778***	***10.678***	***60.297***	***54.815***	***5.482***	
-	Huyện Sơn Tây	192.128	174.662	17.466	108.100	98.273	9.827	55.525	50.477	5.048	55.525	50.477	5.048	28.503	25.912	2.591	
-	Huyện Trà Bồng	214.298	194.816	19.482	120.573	109.612	10.961	61.931	56.301	5.630	61.931	56.301	5.630	31.794	28.903	2.891	
*	***Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (xã ĐBKK)***	***49.500***	***45.000***	***4.500***	***29.700***	***27.000***	***2.700***	***9.900***	***9.000***	***900***	***9.900***	***9.000***	***900***	***9.900***	***9.000***	***900***	
-	Huyện Lý Sơn	49.500	45.000	4.500	29.700	27.000	2.700	9.900	9.000	900	9.900	9.000	900	9.900	9.000	900	
2	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở**	**97.245**	**84.561**	**12.684**	**57.462**	**49.967**	**7.495**	**22.724**	**19.759**	**2.965**	**22.724**	**19.759**	**2.965**	**17.059**	**14.835**	**2.224**	
2.1	***Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn***	***90.247***	***78.476***	***11.771***	***57.462***	***49.967***	***7.495***	***17.000***	***14.782***	***2.218***	***17.000***	***14.782***	***2.218***	***15.785***	***13.727***	***2.058***	
1	*BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp*	90.247	78.476	11.771	57.462	49.967	7.495	17.000	14.782	2.218	17.000	14.782	2.218	15.785	13.727	2.058	Chi tiết theo phụ lục 2
2.2	***Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững***	**6.998**	**6.085**	**913**	**0**	**0**	**0**	**5.724**	**4.977**	**747**	**5.724**	**4.977**	**747**	**1.274**	**1.108**	**166**	
-	***Sở Lao Động Thương Binh và Xã hội***	***6.998***	***6.085***	***913***	***0***	***0***	***0***	***5.724***	***4.977***	***747***	***5.724***	***4.977***	***747***	***1.274***	***1.108***	***166***	Chi tiết theo phụ lục 2
II	**Chưa phân khai**	**15.142**	**13.167**	**1.975**										***15.142***	***13.167***	***1.975***	
1	Phân khai sau	15142	13.167	1.975										*15.142*	13.167	1.975	

PHỤ LỤC 2

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh

(Kèm theo Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Đầu mối giao kế hoạch/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch Trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao sau điều chỉnh			Luỹ kế bố trí đến hết năm 2023			Kế hoạch vốn năm 2024			Ước giải ngân kế hoạch năm 2024 đến 31/01/2025			Đề xuất phương án Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú
						Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó		
							NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	
	TỔNG SỐ					**101.945**	**88.511**	**13.434**	**97.245**	**84.561**	**12.684**	**57.462**	**49.967**	**7.495**	**22.724**	**19.759**	**2.965**	**22.724**	**19.759**	**2.965**	**17.059**	**14.835**	**2.224**	
1	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm và nhà ở**					**101.945**	**88.511**	**13.434**	**97.245**	**84.561**	**12.684**	**57.462**	**49.967**	**7.495**	**22.724**	**19.759**	**2.965**	**22.724**	**19.759**	**2.965**	**17.059**	**14.835**	**2.224**	
1.1	***Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn***					***94.947***	***82.563***	***12.384***	***90.247***	***78.476***	***11.771***	***57.462***	***49.967***	***7.495***	***17.000***	***14.782***	***2.218***	***17.000***	***14.782***	***2.218***	***15.785***	***13.727***	***2.058***	
*	Công trình chuyển tiếp sang năm 2024					94.947	82.563	12.384	90.247	78.476	11.771	57.462	49.967	7.495	17.000	14.782	2.218	17.000	14.782	2.218	15.785	13.727	2.058	
-	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (Giai đoạn 2)	Ban Quản lý ĐTXD các công trình dân dụng và CN tỉnh	Tp. Quảng Ngãi	2022-2025	Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	55.386	48.162	7.224	**52.386**	45.553	6.833	24.541	21.340,5	3.200,5	13.000	11.304	1.696	13.000	11.304	1.696	14.845	12.908,5	1.936,5	
-	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	Ban Quản lý ĐTXD các công trình dân dụng và CN tỉnh	Tp. Quảng Ngãi	2022-2024	Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	39.561	34.401	5.160	**37.861**	32.923	4.938	32.921	28.626,5	4.294,5	4.000	3.478	522	4.000	3.478	522	940	818,5	121,5	Điều chỉnh nội bộ tại Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh
1.2	***Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững***					***6.998***	***5.948***	***1.050***	***6.998***	***6.085***	***913***	***0***	***0***	***0***	***5.724***	***4.977***	***747***	***5.724***	***4.977***	***747***	***1.274***	***1.108***	***166***	
*	Công trình khởi công mới năm 2024					6.998	5.948	1.050	6.998	6.085	913	0	0	0	5724	4977	747	5724	4977	747	1.274	1.108	166	
-	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	2024-2025	Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	6.998	5.948	1.050	6.998	6.085	913	0	0	0	5.724	4.977	747	5.724	4.977	747	1.274	1.108	166	